Câu 1: Đưa ra các giải pháp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Khái niệm

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc là việc giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và phát triển chúng cho phù hợp với cuộc sống hiện đại

. 2. Giải pháp

+ Nâng cao ý thức của mọi người, đặc biệt là giới trẻ, về tầm quan trọng của văn hoá dân tộc.

+Bảo tồn các di sản văn hoá như lễ hội, phong tục, làn điệu dân ca… tránh để bị mai một hoặc biến dạng.

+Có thể kết hợp văn hoá với du lịch để vừa giữ gìn vừa phát triển kinh tế.

+Khi tiếp xúc với văn hoá nước ngoài, cần biết chọn lọc, không làm mất đi bản sắc riêng.

+ Ứng dụng công nghệ để quảng bá văn hoá Việt Nam rộng rãi hơn.

3. Nhận xét

Việc bảo tồn và phát huy văn hoá là rất cần thiết trong thời đại hiện nay. Nếu không giữ gìn, nhiều giá trị truyền thống có thể bị mất đi. Tuy nhiên,

cũng cần linh hoạt để văn hoá thích nghi với cuộc sống hiện đại.

LIÊN HỆ

Hiện nay, trong quá trình hội nhập, văn hoá Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng từ bên ngoài, khiến một số giá trị truyền thống có nguy cơ bị mai một. Tuy nhiên, cũng có nhiều bạn trẻ bắt đầu quan tâm hơn đến văn hoá dân tộc thông qua việc mặc áo dài, tham gia lễ hội hay tìm hiểu ẩm thực truyền thống. Theo em, mỗi người cần có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tích cực từ văn hoá nước ngoài.

Câu 2 : PHÂN TÍCH NHỮNG BIẾN ĐỔI TRONG PHONG TỤC TẾT NGUYÊN ĐÁN HIỆN NAY

Khái niệm

Tết Nguyên Đán

Tết Nguyên Đán, hay Tết Âm lịch, là lễ hội truyền thống lớn nhất và quan trọng nhất của người Việt, đánh dấu sự khởi đầu năm mới theo lịch âm. Đây là dịp đoàn viên, tri ân tổ tiên và cầu mong bình an, thịnh vượng cho năm mới.

Nguồn gốc

Tết Nguyên Đán có tên gốc Hán – Việt, “Nguyên” nghĩa là khởi đầu, “Đán” là buổi sớm, thể hiện ý niệm về sự bắt đầu mới. Nhiều học giả cho rằng Tết Việt chịu ảnh hưởng từ Trung Hoa cổ, song đã phát triển thành bản sắc riêng. Trong truyền thuyết “Bánh chưng, bánh dày”, người Việt đã mừng Tết từ thời vua Hùng, coi đây là dịp thể hiện lòng biết ơn trời đất và tổ tiên

Những biến đổi chủ yếu

1. Biến đổi trong hình thức tổ chức

Trước đây: Tết mang tính truyền thống, nghi lễ chặt chẽ

Hiện nay:

Nhiều nghi thức được giản lược

Tổ chức Tết gọn nhẹ, tiện lợi hơn

Nguyên nhân: nhịp sống hiện đại, quỹ thời gian hạn chế

2. Biến đổi trong phong tục sinh hoạt

Một số phong tục truyền thống như:

Gói bánh chưng, bánh tét

Thăm họ hàng đông đủ

→ đang giảm dần ở đô thị

Thay vào đó:

Mua sẵn đồ Tết

Du lịch dịp Tết tăng lên

3. Biến đổi trong giá trị và ý nghĩa

Truyền thống:

Đề cao gia đình, cộng đồng, thờ cúng tổ tiên

Hiện nay:

Xu hướng cá nhân hoá, hưởng thụ tăng lên

Tết trở thành dịp nghỉ ngơi, giải trí nhiều hơn

4. Ảnh hưởng của kinh tế và toàn cầu hoá

Kinh tế phát triển → mức sống cao hơn → Tết đa dạng, phong phú hơn

Hội nhập quốc tế → tiếp nhận:

Văn hoá phương Tây

Hình thức chúc Tết qua mạng xã hội

5. Ứng dụng công nghệ trong Tết

Chúc Tết qua điện thoại, mạng xã hội

Mua sắm online, lì xì điện tử

→ Làm thay đổi cách giao tiếp truyền thống

4. Nhận xét

Sự biến đổi của Tết Nguyên Đán là kết quả tất yếu của quá trình hiện đại hoá và toàn cầu hoá.

Những thay đổi này vừa mang tính tích cực (tiện lợi, phù hợp cuộc sống hiện đại), vừa đặt ra thách thức trong việc giữ gìn các giá trị truyền thống.

Do đó, cần có sự cân bằng giữa bảo tồn và đổi mới để Tết vừa giữ được bản sắc văn hoá, vừa thích ứng với xã hội hiện đại.

Liên hệ

Hiện nay, em nhận thấy Tết không còn giữ nguyên đầy đủ các phong tục như trước, đặc biệt ở các thành phố lớn khi nhiều gia đình chọn cách ăn Tết đơn giản hoặc đi du lịch. Tuy nhiên, những giá trị quan trọng như sum họp gia đình, chúc Tết và thờ cúng tổ tiên vẫn được duy trì. Theo em, mỗi người cần có ý thức giữ gìn những nét đẹp truyền thống của Tết, đồng thời linh hoạt thích nghi với cuộc sống hiện đại để Tết vẫn giữ được ý nghĩa vốn có.

Câu 3: Sự khác nhau giữa phật giáo Nam Tông và Bắc Tông

a. Nam Tông

− Ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu là chữ Pali

− Mục tiêu tu hành: chú trọng tu hành cá nhân để đạt đến quả A-la-hán, tức trạng thái giải thoát

hoàn toàn khỏi vòng sinh tử luân hồi và chấm dứt mọi khổ đau.

− Quan niệm về Phật: Chủ yếu tôn thờ Gautama Buddha (Phật Thích Ca)

− Nghi lễ : tương đối đơn giản và trang nghiêm, chủ yếu nhằm tưởng nhớ và thực hành đúng lời dạy của Gautama Buddha. Các nghi lễ thường tập trung vào việc tụng kinh bằng tiếng Pali, thiền định, giữ giới và làm các việc thiện.

− Hình thức tu: giữ giới (Sila), thiền định (Samadhi) qua quán niệm hơi thở/thân thể, và thiền tuệ (Vipassana) để đạt giải thoát.

b. Bắc Tông

− Ngôn ngữ dc sử dụng chủ yếu bằng tiếng Sanskrit và được truyền sang Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản dưới dạng chữ Hán.

− Mục tiêu tu hành: Phật giáo Bắc tông đề cao lý tưởng Bồ Tát, nghĩa là người tu không chỉ tìm sự giải thoát cho bản thân mà còn phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh trước khi đạt đến giác ngộ hoàn toàn.

− Quan niệm về Phật: Có nhiều vị Phật và Bồ Tát

− Nghi lễ: mang đậm tính nghi thức, trang nghiêm với các khóa tụng niệm hàng ngày (Quy y, kinh, chú, niệm Phật, hồi hướng) và cúng dường.

− Hình thức tu: nhấn mạnh tinh thần độ sinh, lấy Bồ tát đạo làm cốt lõi, thường bao gồm các pháp môn như niệm Phật (Tịnh độ), thiền định (Thiền tông), và trì chú (Mật tông)

=>Kết luận: Tuy có sự khác biệt về giáo lý, nghi lễ và hình thức tu tập, cả hai truyền thống đều hướng đến mục tiêu chung là giúp con người tu dưỡng đạo đức, giảm khổ đau và đạt đến sự giác ngộ.

Câu 3 :Vai trò của giao lưu văn hoá (theo cách học thuật)

Giao lưu văn hoá được hiểu là quá trình tiếp xúc, trao đổi và tiếp biến giữa các nền văn hoá trong những điều kiện lịch sử – xã hội nhất định. Đây là một hiện tượng mang tính quy luật trong sự phát triển của mọi nền văn hoá.

Trước hết, giao lưu văn hoá có vai trò thúc đẩy sự vận động và phát triển của văn hoá dân tộc. Thông qua quá trình tiếp biến, các yếu tố ngoại sinh được chọn lọc và nội địa hoá, góp phần làm giàu hệ giá trị văn hoá bản địa mà không làm mất đi tính đặc thù.

Thứ hai, giao lưu văn hoá góp phần tăng cường năng lực sáng tạo văn hoá. Sự tiếp xúc với các hệ giá trị và chuẩn mực khác nhau tạo điều kiện cho việc đổi mới tư duy, hình thành các sản phẩm văn hoá mang tính tổng hợp và hiện đại.

Thứ ba, trong bối cảnh toàn cầu hoá, giao lưu văn hoá giữ vai trò kết nối và hội nhập quốc tế, đồng thời là công cụ "quyền lực mềm" giúp quảng bá hình ảnh quốc gia và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

Thứ tư, giao lưu văn hoá còn có ý nghĩa điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống giá trị xã hội, góp phần hình thành lối sống, chuẩn mực ứng xử phù hợp với bối cảnh mới.

Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra yêu cầu về bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, đòi hỏi phải có sự tiếp thu có chọn lọc, tránh nguy cơ đồng hoá và đánh mất giá trị truyền thống, thể hiện rõ trong sự biến đổi của Tết Nguyên Đán hiện nay.

Câu 4:Đặc trung văn hóa việt Nam gốc nông nghiệp lúa nước

1. Khái niệm

Văn hoá gốc nông nghiệp lúa nước là hệ thống giá trị, lối sống và tập quán được hình thành trên nền

tảng sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước – loại hình kinh tế chủ đạo của người Việt cổ.

2. Nguồn gốc

Hình thành từ nền văn minh lúa nước ở lưu vực sông Hồng, sông Mê Kông

Gắn với điều kiện tự nhiên: khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiều sông ngòi

Quá trình cư trú lâu dài của cư dân nông nghiệp

3. Các đặc trưng cơ bản

a. Tính cộng đồng cao

Do sản xuất lúa nước cần nhiều lao động tập thể (đắp đê, dẫn nước)

Hình thành lối sống gắn bó làng xã, coi trọng tập thể

→ Biểu hiện: làng xã, quan hệ xóm giềng, tinh thần tương trợ

b. Tính ổn định và bảo thủ

Phụ thuộc vào thiên nhiên → ít thay đổi phương thức sản xuất

Tâm lý “an cư lạc nghiệp”, ngại biến động

→ Biểu hiện: giữ gìn phong tục, truyền thống lâu đời

c. Tính tổng hợp, linh hoạt

Phải thích nghi với điều kiện tự nhiên thất thường

Kết hợp nhiều nghề phụ (chăn nuôi, thủ công)

→ Biểu hiện: lối sống mềm dẻo, ứng xử linh hoạt

d. Tính trọng tình (tình cảm)

Quan hệ xã hội dựa trên tình nghĩa hơn là lý trí

Đề cao đạo lý, tình làng nghĩa xóm

→ Biểu hiện: ứng xử "dĩ hoà vi quý"

e. Tính trọng kinh nghiệm

Sản xuất dựa nhiều vào kinh nghiệm hơn khoa học

Truyền miệng qua ca dao, tục ngữ

→ Ví dụ: "Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"

f. Tín ngưỡng gắn với tự nhiên

Thờ thần sông, thần đất, thần mưa

Thờ cúng tổ tiên

→ Biểu hiện rõ trong Tết Nguyên Đán và các lễ hội nông nghiệp

4. Ví dụ minh hoạ

Làng xã Bắc Bộ với đình làng, ruộng công

Lễ hội cầu mưa, xuống đồng

Phong tục ăn Tết, cúng tổ tiên

5. Nhận xét (đánh giá học thuật)

Văn hoá Việt Nam gốc nông nghiệp lúa nước tạo nên bản sắc riêng biệt với các đặc điểm nổi bật như tính cộng đồng, trọng tình và linh hoạt. Tuy nhiên, nó cũng có hạn chế như tâm lý bảo thủ, thiếu tính đột phá. Trong bối cảnh hiện đại, cần phát huy các giá trị tích cực (đoàn kết, nhân văn) và khắc phục hạn chế để phù hợp với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Liên hệ

Trong thực tế, các đặc trưng văn hoá nông nghiệp lúa nước thể hiện qua đời sống như tinh thần giúp đỡ nhau, sinh hoạt làng xóm và các dịp sum họp như Tết Nguyên Đán. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, những yếu tố này đang dần thay đổi theo hướng tiện lợi và cá nhân hoá hơn.

Câu 5 Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

1. Khái niệm

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng dân gian của người Việt, thể hiện niềm tin vào sự tồn tại của linh hồn người đã khuất và mối quan hệ gắn bó giữa người sống với tổ tiên.

2. Nguồn gốc

Bắt nguồn từ văn hoá nông nghiệp lúa nước (coi trọng gia đình, huyết thống)

Ảnh hưởng của Nho giáo (đề cao đạo hiếu)

Hình thành từ quan niệm “uống nước nhớ nguồn”

3. Đặc điểm

Tính gia đình – huyết thống: thờ trong phạm vi gia đình, dòng họ

Tính liên tục: duy trì qua nhiều thế hệ

Tính đạo lý: đề cao lòng hiếu thảo, biết ơn

Tính phổ biến: xuất hiện ở hầu hết các vùng văn hoá Việt Nam

4. Biểu hiện (ví dụ)

Lập bàn thờ gia tiên trong mỗi gia đình

Cúng giỗ, ngày lễ, đặc biệt là Tết Nguyên Đán

Thắp hương, dâng lễ vật tưởng nhớ tổ tiên

5. Nhận xét (đánh giá học thuật)

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một trong những giá trị cốt lõi của văn hoá Việt Nam, góp phần củng cố đạo đức và sự gắn kết gia đình.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, hình thức thực hành có thể giản lược, nhưng ý nghĩa về đạo lý và

truyền thống vẫn được duy trì → thể hiện sự tiếp biến và thích nghi của văn hoá Việt Nam.

Câu 6:**Việt – Chăm trong vùng văn hóa Trung Bộ**

Vùng Trung Bộ là không gian chuyển tiếp giữa Bắc và Nam, địa hình hẹp, nhiều núi – biển → tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa.

- Người Chăm là cư dân bản địa, xây dựng nền văn minh Champa rực rỡ.

Từ thế kỉ XV (sau sự kiện Chiến tranh Đại Việt – Champa 1471), người Việt tiến dần vào Trung Bộ → chung sống

2. Biểu hiện giao thoa Việt – Chăm

a. Tín ngưỡng – tôn giáo

- Người Chăm chịu ảnh hưởng sâu sắc của Ấn Độ giáo và Bà La Môn giáo (thờ thần Shiva, Vishnu…).
- Người Việt mang theo tín ngưỡng dân gian (thờ tổ tiên, thần làng).

 Quá trình giao thoa tạo nên:

- Tín ngưỡng thờ nữ thần phổ biến, tiêu biểu là Thiên Y A Na (Việt hóa từ thần Po Nagar của Chăm).

- Sự kết hợp giữa yếu tố **phồn thực – nông nghiệp – biển**.

✔ Đặc điểm:
→ Không đối kháng mà **dung hợp mềm dẻo**, phù hợp môi trường sống.

---

b. Kiến trúc – nghệ thuật

- Di sản Chăm tiêu biểu:
  - Thánh địa Mỹ Sơn
  - Các tháp Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận
- Đặc trưng Chăm:
  - Gạch nung, tháp cao, hình khối mạnh
  - Hoa văn Ấn Độ (thần linh, vũ nữ Apsara)

 Ảnh hưởng đến người Việt:

- Nghệ thuật trang trí đình chùa Trung Bộ có yếu tố Chăm
- Thẩm mỹ mạnh, khỏe, thiên về đường nét khối

---

c. Lễ hội – phong tục

- Người Chăm có lễ hội như Lễ hội Katê
- Người Việt có lễ hội làng, cầu ngư

 Giao thoa thể hiện:

- Lễ hội cầu ngư (thờ cá Ông) mang yếu tố biển + tín ngưỡng bản địa

- Nghi lễ nông nghiệp vẫn tồn tại nhưng thích nghi với môi trường khô hạn

---

d. Đời sống – kinh tế

- Trung Bộ đất hẹp, khí hậu khắc nghiệt → khác Bắc Bộ

 Ảnh hưởng Việt – Chăm:

- Người Chăm: giỏi thủy lợi, thích nghi khô hạn
- Người Việt: kinh nghiệm trồng lúa nước

→ Kết hợp tạo nên:

- Văn hóa vừa **nông nghiệp**, vừa **hướng biển** (đánh cá, buôn bán)

---

e. Ngôn ngữ – văn hóa dân gian

- Có sự vay mượn từ vựng, địa danh Chăm
- Truyền thuyết, thần tích mang yếu tố Chăm – Việt hòa trộn

---

3. Đặc trưng nổi bật của vùng Trung Bộ

 Có thể khái quát 3 điểm:

- **Tính dung hợp mạnh**: Việt + Chăm + Ấn Độ

- **Tính thích nghi cao**: với khí hậu khô, thiên tai
- **Tính biển rõ nét**: khác Bắc Bộ thiên về đồng bằng

---

4. Liên hệ thực tiễn (quan trọng để ghi điểm)

- Hiện nay, di sản Chăm như Mỹ Sơn được bảo tồn và phát triển du lịch
- Các lễ hội Chăm và lễ hội biển vẫn duy trì → thu hút khách du lịch
- Văn hóa Việt – Chăm góp phần tạo nên bản sắc riêng cho miền Trung

-